

TIỂU LUẬN

TÌM HIỂU QUYỀN CON NGƯỜI

LỜI NÓI ĐẦU

Tháng 3/1999, một cô bé người Pakistan tên Lal Jamilla Mandokhel sau nhiều lần bị cưỡng dâm, chú của cô bé đệ đơn lên cảnh sát. Các sĩ quan cảnh sát bắt giữ tên tội phạm nhưng lại giao cô bé cho bộ lạc của cô. Hội đồng bộ lão đã quyết định rằng cô bé là người làm ô nhục bộ lạc và cách duy nhất để vượt qua nỗi ô nhục đó là phải chết. Cái chết của cô bé đã gây sốc cho toàn thế giới. Cô bé đã bị hành hạ quá bạo lực và bất công. Tuy nhiên, đây không phải là sự việc duy nhất, mỗi năm lại có hàng trăm phụ nữ và trẻ em Pakistan là nạn nhân của nạn “bị giết vì danh dự bộ lạc”.

Rất nhiều người đã và đang là nạn nhân trực tiếp của bạo lực quốc gia trong thời gian gần đây. Các lực lượng chính phủ đã thảm sát hơn nửa triệu người dân ở Indonesia khi nỗ lực đàn áp chủ nghĩa cộng sản vào giữa thập niên 1960. Ước đoán số người bị giết hại bởi chế độ Pol Pot ở Campuchia dao động từ 300,000 đến 2,000,000 người. Hơn 9000 người đã bị giết hại do quân đội chính phủ ở Argentina vào cuối thập niên 1970. Dưới quy định của Idi Amin ở Uganda từ 1972 đến 1978, hơn 250,000 người đã bị giết hại. Hàng trăm trong số hàng ngàn người dân đã bị thảm sát bởi các lực lượng an ninh ở Iraq trong suốt những năm 1980. Khoảng 2% dân số El Salvador được ước đoán là đã chết; đó là kết quả của những sự giết chóc chính trị trong suốt thời kỳ nội chiến từ năm 1980 đến năm 1992 ở quốc gia này. Năm 1994, khoảng 500,000 đến 1,000,000 người bị giết hại bởi nạn diệt chủng do chính phủ chỉ đạo ở Rwanda.

Trên đây chỉ là những câu chuyện thực tế về việc vi phạm quyền con người; tuy nhiên, quyền con người chỉ là một khái niệm. Việc hiểu các khái niệm là mục đích của ngành triết học về phân tích khái niệm. Tuy nhiên, khái niệm về các quyền con người lại đặt ra một thách thức đối với ngành này. Các khái niệm chỉ mang tính lý thuyết, và việc phân tích khái niệm là một ngành trừu tượng. Nó có thể tách biệt với những kinh nghiệm về quyền con người. Do đó, để phân tích khái niệm quyền con người cần kết hợp giữa sự cảm thông về quyền của con người với những gì mà khái niệm quyền con người nhắc đến. Chúng ta không cần quyền con người để biết và nói rằng những điều được nhắc đến ở trên là sai. Mà vì chúng ta cần một lý do để phản đối chúng. Nếu thực tế vi phạm quyền con người thì tại sao chúng ta nên bênh vực quyền con người mà không phải thực tế?

Bài tiểu luận này nhằm đi vào nghiên cứu về khái niệm quyền con người, sự khác nhau trong việc tiếp cận và nhận thức về quyền con người, điều này dẫn đến những khó khăn

trong việc thống nhất khái niệm về quyền con người; và cách thức bảo vệ và thúc đẩy việc bảo vệ quyền con người.

I. KHÁI NIỆM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

1. Quyền con người là gì?

Quyền con người là nền tảng mà dựa trên đó xã hội loài người được xây dựng và cuộc sống của các nhân mới có ý nghĩa. Quyền con người là biểu trưng phân biệt của loài người, cũng như những dấu hiệu cụ thể có thể được xác định tính nhân loại chung của chúng ta.

Trong thực tế, không có một định nghĩa duy nhất, toàn diện và đạt được sự đồng thuận tuyệt đối về quyền con người. Ngoài những điểm chung nhất định, những chi tiết cụ thể của quyền con người thường xuyên bị thách thức và gây tranh luận. Thực sự, nhìn từ nhiều phía, có lẽ phù hợp hơn cả là coi công việc định nghĩa quyền con người như một quá trình không có hồi kết, một quá trình khám phá về mặt triết học và tự lý giải bản thân. Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong nghiên cứu, tìm hiểu và pháp điển hóa các quyền con người trong các lĩnh vực luật pháp, chính trị, xã hội học và triết học, nhưng vẫn còn nhiều điều cần làm trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Những loại quyền bao hàm trong phạm trù “quyền con người” bao trùm một diện rộng các vấn đề khác nhau. Dù sao chúng ta cũng cần đưa ra một quan niệm chung về quyền con người. Có thể hiểu quyền con người là quyền của tất cả mọi người, là những đòi hỏi xuất phát từ nhân phẩm được chế định trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia.

Khái niệm quyền con người là một khái niệm năng động và được thay đổi, mở rộng. Tuy nhiên, cần phải duy trì bản chất của khái niệm này, đó là mỗi cá nhân đều có những quyền nhất định không thể chuyển nhượng và có thể được thi hành một cách hợp pháp, nhằm bảo vệ người đó trước sự can thiệp của quốc gia và sự lạm dụng quyền lực của chính phủ.

Ba văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người do Liên Hiệp Quốc ban hành, đó là Tuyên ngôn toàn cầu về nhân quyền (UDHR), Công ước quốc tế về quyền dân sự - chính trị (ICCPR), và Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đã liệt kê một loạt các quyền được xem là quyền con người. Bao gồm các quyền như: quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do đi lại, tự do tôn giáo, tự do lập hội...; các quyền về sức khỏe, quyền giáo dục, quyền về nhà ở, quyền về bảo trợ xã hội...

2. Các yếu tố cơ bản của khái niệm quyền con người

Quyền con người là vấn đề có lịch sử lâu đời, có nội dung rộng lớn. Trong lịch sử nhân loại đã có nhiều quan niệm khác nhau, thậm chí đối lập nhau về vấn đề quyền con người. Đó là những khuynh hướng “kinh tế”, khuynh hướng “nhân quyền quan niệm”, đặc biệt là khuynh hướng “tự nhiên” theo thuyết pháp quyền tự nhiên và khuynh hướng “thực

định”. Trong quá trình nhận thức, các học thuyết nhân quyền đã tuyệt đối hóa mặt nào đó của quyền con người, do đó khó tiếp cận chân lý.

Ngày nay, khoa học pháp luật phát triển đã cho chúng ta nhiều căn cứ để hiểu khái niệm quyền con người đầy đủ hơn trong sự vận động biện chứng của lịch sử, song có thể hiểu, khái niệm quyền con người được thiết lập bởi hai yếu tố cơ bản:

Trước hết, quyền con người được hiểu là *những đặc quyền vốn có, tự nhiên của con người và chỉ con người mới có*. Đó là những khả năng hành động một cách có ý thức, né tránh, từ chối hoặc yêu cầu giành lấy những cái gì đó, nhất là khả năng tự bảo vệ. Nhưng, bản thân quyền vốn có, tự nhiên chưa phải đã là quyền.

Để đạt tới cái gọi là quyền, cần có yếu tố thứ hai thiết định, đó là *quy chế pháp lý*, các đặc quyền (quyền tự nhiên) của cá nhân con người khi trở thành đối tượng điều chỉnh của pháp luật, được pháp luật chấp nhận, tổ chức, bắt buộc hoặc ngăn cấm thì mới trở thành các quyền con người, do đó có thể nói, không có pháp luật thì không có quyền.

Quyền con người có được là nhờ sự tiếp cận, thâm nhập của hai yếu tố đó và đạt đến sự thống nhất giữa cái khách quan và chủ quan của quyền của quyền con người được ghi nhận trong hiến pháp, pháp luật của mỗi quốc gia và các công ước quốc tế về nhân quyền.

3. Phân loại

Trong lịch sử có nhiều cách phân loại khác nhau, trong đó đáng chú ý có hai cách phân loại sau:

a. Từ góc độ triết học

Người ta quan tâm về mặt nhân bản học (về sinh lý, thể chất con người) và mặt xã hội của loài người như tư tưởng, tinh thần là những nhu cầu đặc biệt thể hiện tính người nhất.

Theo cách này quyền con người được quy vào hai dạng chủ yếu:

Quyền được bảo đảm những điều kiện xã hội để con người tồn tại xứng đáng với con người bao gồm quyền có việc làm, quyền cư trú, quyền đi lại, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền đc bảo đảm về chỗ ở, quyền an ninh, chính trị, quyền tự do kết hôn, quyền sở hữu và thừa kế tài sản, quyền được nghỉ ngơi, chữa bệnh.

Quyền tự do lựa chọn các hoạt động sáng tạo, quyền được biểu hiện mình như một nhân cách, nhóm này có quyền lựa chọn nghề nghiệp, quyền phát minh sáng chế, quyền tự do ngôn luận, quyền phê bình chất vấn ...

b. Từ góc độ khoa học pháp lý

Cách phân loại từ góc độ này có nhiều điểm hợp lý hơn, thể hiện trong hiến pháp, pháp luật và cả trong các công ước quốc tế, có các nhóm:

Các quyền và tự do về dân chủ về chính trị bao gồm: quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền bầu cử, ứng cử, quyền bình đẳng nam – nữ, quyền tự do ngôn luận, báo chí, quyền được thông tin, quyền được hội họp, lập hội, biểu tình, bãi công, tự do tín ngưỡng...

Các quyền dân sự (tự do cá nhân) bao gồm: quyền tự do đi lại và cư trú trong nước, quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài trở về nước, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, quyền được an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, quyền khiếu nại, quyền tố cáo.

Các quyền kinh tế - xã hội bao gồm: quyền lao động, quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu hợp pháp và thừa kế, quyền học tập, nghiên cứu, phát minh, sáng chế, quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền được bảo hộ hôn nhân gia đình, những quyền mang tính chất ưu tiên như quyền trẻ em, quyền người già...

c. Từ góc độ của yêu cầu pháp chế

Người ta phân biệt: quyền phổ biến tuyệt đối và quyền phổ biến tương đối. Quyền phổ biến tuyệt đối là quyền phải được thực hiện ngay, không điều kiện, không có hạn chế, vì đó là giới hạn của sự có hay không quyền con người, ngưỡng tối thiểu của quyền con người (quyền sống, quyền không bị tra tấn, đối xử độc ác – Điều 6 và 7 Công ước các quyền chính trị - dân sự 1966). Các quyền phổ biến tương đối là quyền mà trên thực tế phụ thuộc nhiều vào trình độ phát triển của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, các quyền phổ biến tương đối phải đảm bảo ở mức hợp lý so với điều kiện của mỗi quốc gia.

Như vậy, có thể thấy rằng dẫu chưa đạt được sự thống nhất chung về mặt quan niệm về khái niệm về quyền con người; nhưng về cơ bản, những quyền này không chỉ bao gồm những quyền về mặt tinh thần mà cả những quyền về mặt vật chất. Hơn nữa, để những quyền này thật sự trở thành quyền cần có sự công nhận của pháp luật và đảm bảo được thực thi.

II. CÁC CÁCH TIẾP CẬN VÀ NHẬN THỨC VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

1. Qua các thời kỳ

Kể từ thời xa xưa đã tồn tại các quan niệm cho rằng mỗi người đều có giá trị cá nhân bẩm sinh đòi hỏi cần có một mức độ ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ nhất định. Tất cả các tôn giáo lớn đều nhấn mạnh tới tầm quan trọng của căn bản của đức hạnh và lòng từ bi đối với thân phận con người và coi đó là cơ sở để đối xử một cách tôn trọng. Nhiều xã hội cổ đại, mặc

dù ở các cấp độ khác nhau, nhưng đều được thành lập dựa trên quan niệm rằng, người lãnh đạo phải phục vụ dựa trên lợi ích tốt nhất của những người mà họ lãnh đạo.

Quan niệm hiện đại về quyền con người có thể được xác định bắt đầu từ thời kỳ Khai sáng vào thế kỷ XVII và XVIII ở Châu Âu – thời kỳ mà cơ sở của triết học chính trị về chủ nghĩa tự do được xác lập. Những nhà tư tưởng Phục hưng có những đóng góp lớn về những nguyên tắc nhận thức về nhân quyền và lý luận về quan hệ giữa các cá nhân và nhà nước. Một trong những nội dung cơ bản của các nguyên tắc là: Mục đích của nhà nước là đảm bảo quyền con người và tự do cho các công dân; Bản thân con người sinh ra vốn là tự do và bình đẳng về quyền lợi và luôn luôn phải được bảo đảm để tự do và bình đẳng,...

Bước sang thế kỷ XIX, tư tưởng về quyền con người tạm thời lắng xuống vì ngọn cờ nhân quyền không còn được trưng lên do chủ nghĩa tư bản lúc này đã vứt bỏ ngọn cờ dân chủ, bác ái và tiến hành xâm lược thuộc địa.

Đến đầu thế kỷ XX, có thể nói rằng tư tưởng về luật nhân quyền hiện đại đã xuất hiện trong pháp luật và chế định của luật quốc tế. Việc nghiêm cấm nô lệ, cướp biển và các bảo hộ ban đầu trong luật nhân đạo (liên quan đến đối xử với binh lính và thường dân trong xung đột vũ trang) trong chừng mực nào đó đều đã được đề cập trong luật quốc tế, kể cả dưới góc độ các điều ước và tập quán. Sự ra đời của Hội quốc liên ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, mặc dù thất bại ngay sau đó, cũng đã đề cập đến quyền con người trong hiến chương của mình.

Đến sau chiến tranh thế giới thứ hai, quyền con người mới thực sự được ghi nhận trong luật quốc tế. Hàng loạt các tổ chức quốc tế đều quan tâm đến quyền con người như: Liên hợp Quốc, Hội đồng châu Âu,... Các công ước quốc tế về quyền con người cũng được hình thành, trong đó phải kể đến Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về quyền trẻ em, ... Hiện nay, quyền con người trở thành chủ đề quan trọng trong các lĩnh vực như luật học, chính trị học, triết học, đạo đức học, xã hội học, văn học, ...

2. Các học thuyết về vấn đề nhân quyền

Vấn đề quyền con người còn được tiếp cận ở những góc độ khác nhau dựa trên những học thuyết khác nhau:

Theo học thuyết về luật tự nhiên: luật tự nhiên bao gồm những nguyên tắc pháp lý cơ bản như lẽ phải, nghĩa là phù hợp với tự nhiên, trường tồn và không thể thay đổi được. Học thuyết luật tự nhiên đã dẫn đến học thuyết về quyền tự nhiên. Học thuyết này giả thiết về sự tồn tại của con người trong một trạng thái tự nhiên. Trong đó, mọi người đều ở trong trạng thái tự do, tự do quyết định mọi hành động của mình, đồng thời cũng ở trong một trạng thái

bình đẳng, theo nghĩa không người nào phải chịu khuất phục trước ý chí hay uy quyền của người khác. Nhằm chấm dứt những rủi ro và bất tiện của trạng thái tự nhiên, con người tạo ra một khế ước, thông qua đó họ cùng nhau thoả thuận thành lập một cộng đồng chung và một cơ quan chính trị. Tuy nhiên, khi tạo dựng nên một quyền lực chính trị như vậy, họ vẫn giữ lại những quyền tự nhiên của mình gồm quyền được sống, quyền tự do và quyền sở hữu tài sản. Chính phủ có nghĩa vụ phải bảo vệ những quyền tự nhiên của người dân và nếu không hoàn thành nghĩa vụ cả mình thì chính phủ sẽ tự đánh mất giá trị và quyền lực.

Chủ nghĩa thực chứng: Theo học thuyết thực chứng (cổ điển), nhân quyền chỉ có thể có được thông qua việc ban hành một hệ thống pháp luật với các chế tài kèm theo. Những quan điểm về việc pháp luật *nên* như thế nào không tồn tại trong pháp luật và cũng không có giá trị về mặt nhận thức. Cần phải phân biệt một cách rõ ràng nhất giữa pháp luật đang tồn tại với pháp luật *nên* như thế nào.

Chủ nghĩa Mác: C. Mác cho rằng khái niệm về quyền cá nhân là một ảo tưởng tư sản. Tất cả những khái niệm như pháp luật, công lý, đạo đức, tự do, dân chủ ... đều mang tính lịch sử và nội hàm của những khái niệm đó đều được quyết định bởi điều kiện vật chất và hoàn cảnh xã hội của cuộc sống một dân tộc. Khi cuộc sống thay đổi thì nội hàm của những khái niệm và tư tưởng cũng thay đổi theo ...

Chủ nghĩa Mác thừa nhận quyền của cá nhân xuất phát từ quan điểm cho rằng cá nhân không thể tách rời khỏi toàn thể xã hội; chỉ khi nào tuân theo ý chí của toàn thể xã hội thì cá nhân mới có thể đạt được tự do cao hơn. Theo quan điểm này, ngay cả việc thoả mãn những nhu cầu cơ bản cũng có thể phải phụ thuộc vào hiện thực các mục tiêu của xã hội như công nghiệp hoá hoặc việc xây dựng chủ nghĩa cộng sản...

Học thuyết dựa trên nền tảng công lý: Nhân quyền là một mục tiêu của công lý, do đó công lý có vai trò rất quan trọng trong nhận thức về nhân quyền. Các nguyên tắc của công lý giúp mang lại một phương thức phân chia quyền lợi và nghĩa vụ trong những thiết chế cơ bản của xã hội. Những nguyên tắc này giúp phân chia hợp lý những lợi ích và trách nhiệm của xã hội... Theo nguyên tắc thứ nhất, mỗi cá nhân đều có quyền bình đẳng được hưởng toàn bộ hệ thống các quyền tự do cơ bản tương thích với một hệ thống các quyền tự do cơ bản tương thích với một hệ thống các quyền tự do tương tự dành cho những người khác. Theo nguyên tắc thứ hai, sự bất bình đẳng về mặt kinh tế và xã hội phải được phân bổ sao cho chúng vừa mang lại lợi ích lớn nhất cho thành phần bị thiệt thòi nhất, vừa gắn với những vị trí và chức vụ để ngõ cho tất cả mọi người (cơ hội đồng đều).

Học thuyết dựa trên sự bình đẳng về mức độ quan tâm và tôn trọng: xuất phát từ tiền đề của đạo lý chính trị, cho rằng chính phủ phải đối xử với tất cả công dân của mình với cùng

một mức độ quan tâm và trọng trọng..., “mỗi người được tính là một, không ai được tính hơn một”. Theo nguyên tắc này, nhà nước có thể can thiệp sâu nhằm thúc đẩy phúc lợi xã hội. Theo Dworkin, quyền tự do nói chung là quá mơ hồ nên không có ý nghĩa thực sự. Tuy nhiên ông lại cho rằng một số quyền tự do cụ thể như quyền tự do ngôn luận, quyền tự do tín ngưỡng, quyền hội họp, quyền có các mối quan hệ các nhân và tình dục cần được bảo vệ đặc biệt chống lại sự can thiệp của nhà nước. Sỡ dĩ như vậy không phải vì những quyền tự do đặc biệt này có giá trị tự thân hay giá trị đặc biệt sâu sắc, mà bởi vì những việc thực thi quyền này có thể gặp phải những trở ngại nhất định. Những trở ngại này sẽ nảy sinh trong trường hợp nếu áp dụng cách tính toán vị lợi, tức là khi tính đến lợi ích chung của toàn thể, thì kết quả sẽ nghiêng về hướng hạn chế các quyền tự do trên.

3. Khó khăn từ sự khác nhau giữa các cách tiếp cận và nhận thức

Mỗi học thuyết về nhân quyền được phát triển dựa trên các khuynh hướng khác nhau trong cách nhìn nhận về quyền con người. Các học thuyết thường mang tính chân lý và được xem như điểm khởi đầu của triết học về nhân quyền.

Các học thuyết nhân quyền phương Tây từ xưa đến nay luôn nhấn mạnh các quyền công dân và chính trị, ví dụ như các quyền tự do cơ bản và quyền tự quyết, theo xu hướng các quyền phủ quyết chống lại Nhà nước và sự lạm dụng quyền lực. Mặt khác, học thuyết nhân quyền của các nhà xã hội chủ nghĩa lại dựa trên quan điểm rằng các quyền cần phải được bảo đảm bởi Nhà nước và nhấn mạnh vào các quyền trong các khía cạnh tập thể cũng như các quyền kinh tế, xã hội chứ không phải các quyền tự do cá nhân. Trong khi đó, các nước đang phát triển lại có xu hướng chú trọng vào các vấn đề đói nghèo và phát triển kinh tế, họ tranh cãi rằng cái quan trọng đối với con người là có đủ ăn chứ không phải là được hưởng quyền tự do ngôn luận. Các nước Hồi giáo lại có quan điểm khác về ý nghĩa của tự do tôn giáo và các quyền của phụ nữ.

Tuy các học thuyết về nhân quyền được phát triển từ hàng thế kỷ nay, nhưng hầu hết chưa đưa ra được khái niệm cụ thể và đầy đủ về quyền con người với hai yếu tố cơ bản: quyền con người là đặc quyền tự nhiên, vốn có của con người và nó được công nhận bởi pháp luật. Bên cạnh đó, các học thuyết còn tuyệt đối hóa một khía cạnh nào đó của quyền con người. Một số học thuyết đề cao cái “tự nhiên” vốn có của quyền con người mà không cần sự ghi nhận của Nhà nước và pháp luật. Với quan điểm này, cuộc sống xã hội chỉ được xem như là một tập quán, là phương tiện sinh tồn của các cá nhân, còn chính trị và pháp luật được xem như sản phẩm của sự thỏa hiệp tự nguyện tuân theo của con người. Trong khi đó, một số khác lại đề cao khía cạnh “quyền” trong quyền con người, qua đó nhấn mạnh vai trò và thẩm quyền

của Nhà nước, quyền con người chỉ có được khi Nhà nước và pháp luật quy định, cho phép. Ngoài ra, còn có những học thuyết nhấn mạnh đến phẩm giá của con người, hay việc phát triển khả năng của con người, một số khác lại nhấn mạnh vào năng lực con người... Nhìn chung, mỗi học thuyết đều mang những quan điểm, lý luận riêng biệt, đôi khi trái ngược nhau, và chỉ tập trung vào một khía cạnh cụ thể của nhân quyền. Điều đó gây khó khăn cho việc hình thành nên một cách tiếp cận và nhận thức chung, thống nhất về nhân quyền.

Dù đứng trên quan điểm nào thì nhân quyền vẫn có tính phổ biến và đặc thù của nó. Tính phổ biến thể hiện ở việc nó được công nhận rộng rãi bởi các quốc gia trong cộng đồng quốc tế như một đặc quyền tuyệt đối và không thể chuyển nhượng của mỗi cá nhân. Tính phổ biến yêu cầu các quốc gia nhìn nhận và giải quyết các vấn đề nhân quyền một cách công bằng và bình đẳng, xuất phát từ cùng một cơ sở và mức độ quan tâm. Trong khi đó, các yếu tố đặc thù của các quốc gia văn hóa, dân tộc, khu vực, tôn giáo, kinh tế, chính trị... tạo nên tính đặc thù của nhân quyền. Việc không thể thống nhất một quan điểm chung về nhân quyền cũng gây ảnh hưởng đến tính phổ biến và đặc thù của nó. Vì mỗi quốc gia đứng trên một quan điểm và nhận thức khác nhau nên mức độ quan tâm cũng như cách thức thực thi và bảo vệ nhân quyền không được đồng đều. Ở phương Tây với nền văn minh phát triển từ lâu đời, quan điểm về nhân quyền luôn đề cao cá nhân, đề cao con người dẫn đến sự đề cao các quyền dân sự và chính trị. Các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển lại ủng hộ các quyền kinh tế, xã hội và các quyền khác, các quyền tự do cá nhân không thể vượt lên trên mà phải gắn liền với quyền và lợi ích của số đông, của cộng đồng và dân tộc, quyền của thiểu số phải phục tùng quyền của đa số, quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ đối với xã hội. Theo quan điểm phương Tây, nhân quyền chỉ có tính phổ biến, không có tính đặc thù, tức nhân quyền là những giá trị chung, không phụ thuộc vào pháp luật hoặc đạo đức của bất cứ xã hội nào. Vì vậy, nhân quyền phải được áp dụng với những chuẩn mực và cách thức đồng nhất ở mọi quốc gia, bất kể sự khác biệt về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, các nước phương Đông lại nghiêng về tính đặc thù của quyền con người khi đưa ra luận điểm về tính cộng đồng. Họ cho rằng nhân quyền của phương Tây dựa trên nền tảng chủ nghĩa cá nhân và không phù hợp với châu Á bởi châu Á coi trọng tính cộng đồng, các cá nhân thực sự được tham gia vào cuộc sống và các công việc của cộng đồng. Luận điểm này được xem như một dẫn chứng cho quan điểm chung cho rằng khái niệm nhân quyền cũng mang tính đặc trưng phụ thuộc vào từng nền văn hóa nhất định.

Như vậy chúng ta có thể thấy được rằng, đứng trên mỗi khía cạnh, mỗi phương diện, mỗi học thuyết khác nhau thì cách nhìn nhận về nhân quyền đã có sự thay đổi. Chính điều này khiến cho việc thống nhất được một quan niệm chung về quyền con người trở nên vô cùng

khó khăn. Không những thế, xuất phát từ những góc nhìn và nhận thức khác nhau đó, tính phổ biến của nhân quyền cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Bởi lẽ, theo quan điểm, học thuyết này thì những quyền này được nhìn nhận, nhưng ở những quan điểm, học thuyết khác thì chúng ta lại nhận thấy sự thiếu vắng của những quyền đó. Điều này dẫn đến việc nhân quyền trở thành những mảng rời, bị chấp nối; và tính phổ biến của bản thân từng quyền trong số các quyền của con người cũng bị mờ nhạt.

III. VẤN ĐỀ LẬP PHÁP VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

1. Tính không thể chia tách và có hay không sự ưu tiên trong các quyền con người

a. Tính không thể chia tách

Trong tuyên bố Viên 25/6/1993, Điều 5 đã khẳng định: “All human rights are universal, indivisible and interdependent and interrelated.” (Tất cả các quyền con người đều mang tính phổ cập, không thể chia sẻ, chúng liên quan và phụ thuộc lẫn nhau.)

Học thuyết này đã bị thách thức rất nhiều trong thời kì chiến tranh lạnh. Đặc biệt, mối quan hệ giữa các quyền chính trị - dân sự và các quyền kinh tế - xã hội văn hóa là vấn đề gây tranh cãi căng thẳng giữa các bên.

Xét về mặt vật chất lẫn tinh thần, quyền con người là một thể thống nhất. Do vậy không thể tách riêng, càng không thể đối lập giữa các loại quyền. Trên thực tế, mỗi quyền có ý nghĩa riêng nhưng đều nằm trong tổng thể quyền con người.

Các nước phương Tây nhấn mạnh quyền chính trị - dân sự, coi đây là thực chất của quyền con người mà các nhà nước cần bảo đảm và chịu trách nhiệm pháp lý. Thậm chí họ không thừa nhận quyền kinh tế - xã hội văn hóa và không coi đó là những quyền phải được nhà nước đảm bảo. Trong khi đó, các nước xã hội chủ nghĩa thường nhấn mạnh ưu tiên các quyền kinh tế - xã hội. Trong tương quan lực lượng lúc bấy giờ (1966), Liên Hợp Quốc đã đi đến sự thỏa hiệp bằng cách cùng thông qua 2 công ước quốc tế: Công ước về các quyền chính trị - dân sự và Công ước về các quyền kinh tế - xã hội và văn hóa. Sự thỏa hiệp đó đã không phản ánh đầy đủ nhu cầu hiện thực khách quan toàn diện của con người ở bất cứ nước nào. Trong thực tế không thể có hiện trạng nước này chỉ thực hiện Công ước quyền chính trị - dân sự mà không thực hiện Công ước quyền kinh tế - xã hội văn hóa và ngược lại.

b. Có hay không sự ưu tiên trong các quyền con người

Quan niệm nhân quyền hiện đại về tính không thể chia tách và các quyền tự do cơ bản ngày càng được chấp nhận rộng rãi. Tính không thể chia tách bao hàm rằng quyền con người,

khi được nhắc đến, là một khái niệm trọn vẹn, thống nhất, không thể xếp hạng ưu tiên cho bất cứ quyền nào trong khái niệm thống nhất đó.

Rõ ràng là các quyền chính trị dân sự xuất hiện sớm hơn các quyền kinh tế - xã hội được thể hiện qua các tuyên ngôn và hiến pháp. Trên thực tế, các quyền chính trị - dân sự đã có vai trò tích cực trong nền dân chủ tư sản, với tư cách là nhân tố chính trị - pháp lý có ảnh hưởng lớn, thúc đẩy sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội. Do vậy các quyền chính trị dân sự được người ta coi là hạt nhân quan trọng nhất để xây dựng xã hội công dân, đảm bảo sự phát triển tự do của mỗi người, đảm bảo quyền làm chủ của công dân đối với chính quyền và ở mức độ nhất định, việc ưu tiên các quyền chính trị - dân sự có thể là một nhân tố thúc đẩy các quyền kinh tế xã hội được thể hiện và thực hiện. Trên thực tế các nước phương Tây thường nhấn mạnh quyền dân sự chính trị còn các nước xã hội chủ nghĩa thì nhấn mạnh các quyền kinh tế - xã hội, văn hóa do vai trò quyết định của kinh tế.

Việc đề cập đến hai lĩnh vực quyền: quyền chính trị - dân sự và quyền kinh tế - xã hội văn hóa là hợp lý, phản ánh đúng hiện thực nhu cầu của con người. Không nên tuyệt đối hóa quyền dân sự - chính trị để phủ nhận quyền kinh tế-xã hội cũng như tuyệt đối hóa quyền kinh tế - xã hội để phủ nhận quyền chính trị - dân sự vì không phản ánh được nhu cầu khách quan của con người, không tiếp cận được chân lý.

2. Sự phụ thuộc vào các thể chế và pháp luật quốc gia của quyền con người

Các tổ chức quốc tế, đặc biệt đáng kể là Liên Hợp Quốc, Hội đồng Châu Âu, Tổ chức các quốc gia châu Mỹ đã ban hành và thông qua nhiều văn kiện về quyền con người, khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền, tạo nên Luật quốc tế về quyền con người.

Tuy nhiên, Luật quốc tế về con người phải dựa vào quan điểm của bộ máy nhà nước để xây dựng, áp dụng và thực hiện các điều khoản. Cuối cùng thì Nhà nước vẫn là chủ thể chịu trách nhiệm trong Luật quốc tế và thông qua Nhà nước, một cách trực tiếp hay gián tiếp các trách nhiệm này phải được thực hiện. Bản thân các thể chế quốc tế có rất ít hoặc không có quyền lực thực sự, đặc biệt khi so sánh với các cơ quan thuộc chính phủ của quốc gia. Quyền con người trước hết là vấn đề chủ yếu của quốc gia chứ không phải là quốc tế”, vì lý do theo hệ thống quốc tế hiện nay thì chính phủ là mang tính quốc gia chứ không phải là chính phủ mang tính toàn cầu.

3. Sự tác động của vấn đề lập pháp nhân quyền đến tính phổ quát và tính đặc thù của nhân quyền

a. Sự tác động của vấn đề lập pháp đến tính đặc thù

Trước hết, cần phải xác định rằng tính đặc thù của nhân quyền thể hiện ở khía cạnh nó phụ thuộc vào các yếu tố quốc gia.

Trên phạm vi quốc tế và khu vực, mỗi khu vực, quốc gia có một cách tiếp cận riêng, một quan niệm riêng về vấn đề nhân quyền, được hình thành qua lịch sử, văn hóa, tôn giáo của khu vực, quốc gia đó. Mỗi khu vực quốc gia có những giá trị riêng, để đạt được sự thỏa hiệp giữa các bên về vấn đề này thực sự đòi hỏi nhiều nỗ lực.

Mỗi quốc gia theo đuổi những mục đích khác nhau trong việc lập pháp bên cạnh mục tiêu thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền. E ngại của các nước đang phát triển về việc lạm dụng bảo vệ nhân quyền để tiến hành can thiệp vào công việc nội bộ quốc gia, xâm phạm chủ quyền quốc gia cũng là một cản trở đối với tiến trình lập pháp.

Do đó, phù hợp với mỗi lợi ích và mục đích quốc gia khác nhau, nhân quyền ở mỗi quốc gia sẽ có những nét đặc thù riêng và phù hợp với những lợi ích và mục đích của quốc gia đó.

Sự khác biệt trong chế độ chính trị và thể chế kinh tế cũng là nhân tố cản trở việc lập pháp. Tại các nước có nền kinh tế phát triển, các quyền kinh tế xã hội có khả năng thực thi cao hơn, ví dụ như : “triển khai các chương trình đào tạo kỹ thuật và hướng nghiệp, các chính sách và biện pháp kỹ thuật nhằm đạt tới sự phát triển vững chắc về kinh tế, xã hội và văn hoá, tạo công ăn việc làm đầy đủ và hữu ích”(Điều 6 Công ước quyền kinh tế xã hội) ,”đảm bảo các phúc lợi an sinh xã hội” (Điều 10), “phổ cập giáo dục tiểu học”(Điều 13). Trong khi đối với các nước kém phát triển, việc đảm bảo các quyền đó còn đòi hỏi nỗ lực. Nhân quyền do vậy còn mang tính tương đối.

Do vậy, việc mỗi quốc gia đứng trên một quan điểm và nhận thức khác nhau thì sẽ dẫn đến sự khác biệt trong cách thức thực thi và bảo vệ nhân quyền được thể hiện trong quy định pháp luật. Lập pháp về quyền con người tại mỗi quốc gia được tiến hành bởi chính những cá nhân trong cộng đồng dân tộc, chịu ảnh hưởng nhất định của nền văn hóa, hệ tư tưởng trong quá trình lập pháp. Luật pháp thì phải có tính thực thi, và để đảm bảo tính thực thi thì những quy phạm pháp luật đó phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế (thể chế chính trị, lịch sử, tôn giáo, trình độ phát triển ...) của mỗi nước. Do đó, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia mà nhân quyền được quy định sẽ mang những nét đặc thù riêng. Luật pháp quốc gia có thể coi là nhân tố cũng cố tính đặc thù của quyền con người.

b. Sự tác động của vấn đề lập pháp đến tính phổ quát của nhân quyền

Quyền con người được khẳng định trong Tuyên ngôn nhân quyền là quyền mang tính phổ cập, được công nhận rộng rãi bởi các quốc gia, bất kì ai ở bất cứ nơi đâu, là con người đều được hưởng những quyền đó.

Nhưng như trên đã nói, cho dù các văn kiện quốc tế quy định quyền thì cuối cùng việc thực thi và bảo đảm các quyền đó vẫn là dựa vào yếu tố quốc gia, pháp luật quốc gia. Việc các quốc gia quy định thế nào về các quyền có tác động lớn đến việc thực thi các quyền đó trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Cách thức xác định và ghi nhận các quyền trong pháp luật, chẳng hạn vẫn còn “các thể hệ” khác nhau của quyền con người là một thách thức đối với tính phổ quát của quyền con người. Các quyền dân sự - chính trị thường được coi là các quyền thuộc thể hệ thứ nhất, xuất phát từ thực tế là lịch sử là các quyền này cấu thành những thành ngữ sớm nhất về quyền con người dưới hình thức pháp luật hiện đại. Trên cơ sở thời gian này, các quyền kinh tế xã hội và văn hóa được coi là các quyền thuộc thể hệ thứ hai. Các quyền đại diện cho lợi ích của các nhóm được coi là các quyền thuộc thể hệ thứ ba và gần đây nhất những quyền như quyền được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh, quyền phát triển kinh tế đôi khi được đề cập với tư cách là các quyền thuộc thể hệ thứ tư. Việc phân chia như vậy thể hiện tính chất thứ bậc, nhấn mạnh nhiều nhất tới các quyền thuộc thể hệ thứ nhất gồm các quyền dân sự - chính trị và giảm dần tầm quan trọng đối với các quyền thuộc thể hệ sau đó. Một hình ảnh rõ nhất về những đầu tư mà các quốc gia thường tập trung rất nhiều vào việc bảo vệ các quyền dân sự - chính trị như quyền xét xử công bằng, quyền tự do biểu đạt, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền riêng tư và quyền có đại diện chính trị. Tuy nhiên, một sự phân biệt như vậy là không thỏa đáng. Nó khiến cho các nhóm quyền con người mang tính phổ quát khác nhau, chẳng hạn như, ở nhóm các nước phương Tây thì các quyền dân sự - chính trị có tính phổ quát cao, còn các nhóm quyền kinh tế, văn hóa, xã hội lại không được mấy phổ quát; trong khi đó, ở nhóm các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước đang phát triển thì ngược lại

4. Liên hệ Việt Nam

Quan điểm của Việt Nam về nhân quyền:

Việt Nam đã khẳng định rằng, quyền thiêng liêng, cơ bản nhất của con người là quyền được sống trong độc lập, tự do, quyền được tự quyết định vận mệnh của mình. Đây cũng là quyền có tính cơ bản được ghi nhận trong tại Điều 1 và 2 của hai Công ước quốc tế cơ bản nhất của Liên Hợp Quốc về quyền con người là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Việt Nam cho rằng, trong một thế giới ngày càng đa dạng, khi tiếp cận và xử lý vấn đề quyền con người cần kết hợp hài hòa các chuẩn mực, nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế

với những điều kiện đặc thù về lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội, các giá trị văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán của mỗi quốc gia và khu vực. Hơn nữa, cần tiếp cận một cách toàn diện tất cả các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá trong một tổng thể hài hoà, không được xem nhẹ bất cứ quyền nào. Việc chỉ ưu tiên hoặc tuyệt đối hóa các quyền dân sự, chính trị và một số quyền tự do cá nhân, không quan tâm thích đáng đến quyền phát triển, các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá của cả cộng đồng là cách đề cập phiến diện, không phản ánh đầy đủ bức tranh toàn cảnh về quyền con người.

Nhà nước Việt Nam luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng đất nước. Nhà nước Việt Nam khẳng định con người là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Việt Nam đều nhằm phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, tất cả vì con người và cho con người.¹

Từ Đại hội lần thứ 6 Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Trên lĩnh vực nhân quyền, điều đó có nghĩa là trước hết phải giải quyết vấn đề sở hữu. Cải cách chế độ sở hữu và xây dựng nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo ra động lực mạnh mẽ cho sự phát triển trên nhiều lĩnh vực. Phát triển kinh tế phải gắn liền với coi trọng công bằng xã hội, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền trên các lĩnh vực chính trị dân sự, xã hội và văn hóa; trở lại thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

IV. THỰC THI, BẢO VỆ VÀ THỨC ĐẨY BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

1. Thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ quyền con người

Việc đảm bảo việc thực thi và bảo vệ quyền con người được nói đến nhiều trên thế giới ngày nay. Việc thực thi và bảo vệ quyền con người là vấn đề cấp thiết đối với cả học thuyết và thực tiễn quyền con người.

Hiện nay, trên thế giới, hầu hết các khu vực đều có các cơ chế để bảo vệ quyền con người. Việc xuất hiện nhiều văn kiện quốc tế bảo vệ những quyền con người cụ thể cho thấy có một nhận thức ngày càng tăng cho rằng những văn kiện có phạm vi rộng lớn bảo vệ nhiều quyền khác nhau có thể không đủ để bảo hộ cho một số quyền không thích hợp với cơ chế của

¹ Sách trắng nhân quyền Việt Nam

các văn kiện đó. Nhiều điều ước quốc tế có thể giúp cho các quốc gia và các chủ thể khác tập trung bảo vệ một hoặc một số quyền nhất định. Việc xuất hiện nhiều văn kiện quốc tế nêu trên còn cho thấy sự phát triển liên tục của xã hội quốc tế khi những nước thành viên bắt đầu hiểu rõ hơn về những người bị áp bức và cần sự bảo vệ của các văn kiện nhân quyền trong xã hội.

Tuy nhiên, trên tất cả, Tuyên ngôn về nhân quyền, hiến pháp và các luật về quyền con người cũng sẽ mất hết tính thực tiễn nếu không có khả năng được áp dụng một cách hiệu quả.

Việc thực hiện và bảo vệ quyền con người không thể được xem là có hiệu quả và được ghi nhận nếu nó dựa trên ý chí của các đối tượng mà nghĩa vụ thực hiện quyền con người của họ chỉ là một nghĩa vụ đạo đức. Quyền và nghĩa vụ cần phải tương quan lẫn nhau.

Để xúc tiến việc thực hiện quyền con người từ một lập trường nhất quán, thì việc bắt đầu từ thực tế quan trọng hơn là đi từ những ý tưởng trong các học thuyết về quyền con người. Ngày nay, ý nghĩa ban đầu này chú ý nhiều hơn đến quyền kinh tế, xã hội và văn hóa nhờ vào khoảng trống giữa khả năng về giá trị của các thuật ngữ với các quyền dân sự và chính trị.

Việc bảo vệ các quyền dân sự của các cá nhân đối với sự can thiệp của quốc gia vẫn là một nhiệm vụ quan trọng. Đây là lĩnh vực mà luật quốc tế và sự phát triển của một thể chế thi hành đã đạt được nhiều tiến bộ nhất. Việc bảo vệ các quyền dân sự của cá nhân khỏi sự can thiệp của nhà nước vẫn giữ một vai trò quan trọng; và luật quốc tế và sự phát triển của cơ chế thực thi trong lĩnh vực này cũng đạt được nhiều tiến bộ nhất. Tuy nhiên, không thể chối cãi rằng ở nhiều nơi trên thế giới, các quyền kinh tế, xã hội của cá nhân có một vai trò quan trọng tương đương, và thậm chí còn lớn hơn cả các quyền về sự tự do.

Đối với những sự vi phạm đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa thì đòi hỏi một sự quyết tâm chân thành của quốc gia hoặc chính phủ để đạt được một mức độ nhất định về sự tôn trọng các quyền con người. Nhiều nước với các mức độ tập trung thu nhập cao đã giới thiệu các kế hoạch kinh tế, xã hội mà ít nhất là nỗ lực để cải thiện tình cảnh cơ cực mà hầu hết mọi người phải gánh chịu. Để đạt hiệu quả, các kế hoạch như thế nên đặt ra những mục tiêu kiên quyết để đạt được trong một thời hạn cụ thể, đồng thời cũng cần phải có một hệ thống quản lý hiệu quả để đảm bảo việc thực hiện được tiến hành và sự tiếp cận toàn cầu đối với các quyền đó. Chương trình quyền con người quốc gia của Brazil đang được mở rộng để đảm bảo các quyền về kinh tế, xã hội cũng như văn hóa của con người. Tuy nhiên, trên tất cả, quyền con người ở hầu hết các xã hội nên mang tính thực tế.

Khi xem xét đến sự cần thiết của sự tham gia tự do, tích cực và đáng kể, và sự phân bổ các lợi ích được tạo dựng bởi loài người, Tuyên ngôn nhân quyền đã nhấn mạnh chủ đề cũ về

sự bình đẳng của con người. “Các quốc gia nên áp dụng mọi biện pháp cần thiết ở cấp độ quốc gia để thực hiện quyền phát triển và, không kể những cái khác, nên đảm bảo các cơ hội bình đẳng đối với tất cả mọi người, đối với việc tiếp cận các nguồn cơ bản, giáo dục, các dịch vụ sức khỏe, thực phẩm, nhà ở, công việc và sự phân bổ thu nhập công bằng”. Hơn nữa, “những cải tổ thích đáng về xã hội và kinh tế nên được tiến hành để bài trừ tất cả những bất công xã hội”.

Với sự chênh lệch rất lớn giữa việc thực hiện vững chắc những quyền về dân sự và chính trị của con người và các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa, thì việc xem xét những khả năng thực tế đối với việc thực hiện các phạm trù sau là quan trọng, thông qua cả quyền được yêu cầu những quyền này trước tòa và cả các chính sách của chính phủ.

Đối với quyền được yêu cầu về các quyền con người trước tòa án, việc giới thiệu các luật thúc đẩy việc hưởng các quyền con người về kinh tế, xã hội và văn hóa vẫn là một bước cần thiết. Trong số các khả năng, thì việc tìm kiếm các cơ chế thủ tục (bao gồm cả tình trạng lập hiến) mà được thiết lập nhằm đảm bảo các quyền của con người về kinh tế, xã hội và văn hóa là quan trọng.

Đối với việc thực hiện các chính sách của chính phủ, các chính phủ nên thiết lập các cơ sở dữ liệu xã hội nhằm đảm bảo việc thực hiện hiệu quả, bao gồm cả những phương diện kinh tế, văn hóa. Khi xác định các chính sách phúc lợi xã hội thì cần ghi nhớ những điều kiện như giới tính, sự thiên vị giới tính, độ tuổi, chủng tộc và nguồn gốc dân tộc, và những yếu tố khác liên quan đến sự bất bình đẳng xã hội và văn hóa mà dẫn đến tình trạng căng thẳng gay go mà phải được xoa dịu trong qua các chương trình xã hội. Đối với lĩnh vực kinh tế, thì việc khám phá ra những vùng nghèo nhất nước là rất quan trọng.

Việc thúc đẩy thực thi và bảo vệ quyền con người đòi hỏi sự quyết tâm của quốc gia cũng như sự tham gia của xã hội.

2. Những khó khăn trong việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ quyền con người

Khó khăn đầu tiên và cũng là khó khăn lớn nhất trong việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ quyền con người là ở quan điểm khác nhau của học thuyết, học giả, cũng như của các quốc gia về quyền con người. Các nước Phương Tây ủng hộ các quyền dân sự và chính trị là ưu tiên hàng đầu; trong khi đó, các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước đang phát triển ủng hộ các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa. Việc xác lập như vậy là không thỏa đáng bởi các quyền con người là gắn kết với nhau, bổ sung cho nhau và không thể chia tách. Do đó, chính việc không thống nhất đã gây cản trở đối với việc thực thi quyền con người trên bình diện thế

giới; bởi lẽ, đối với các công ước quốc tế về quyền con người, các nước ký vào công ước đó nhưng lại vấp phải khó khăn trong việc thông qua.

Những khó khăn này còn xuất phát từ chính nội tại các quốc gia. Sự kém phát triển, nghèo đói, sự thiếu cam kết hiệu quả từ phía lãnh đạo chính trị, vấn đề năng lực và tinh thần trách nhiệm từ phía nhân sự, pháp luật thiếu tính minh bạch, không nhất quán và có sự mâu thuẫn trong các quy phạm, khó xác định... góp phần vào việc cản trở thi hành và bảo vệ các quyền con người một cách có hiệu quả.

Tuy nhiên, việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ quyền con người còn vấp phải khó khăn do chính nội tại của quyền con người.

Điều 1 của Tuyên ngôn toàn cầu tuyên bố rằng tất cả mọi người, ai cũng được hưởng quyền lợi như nhau. Điều 18 thì tuyên bố rằng ai cũng có quyền tự do tôn giáo. Chúng ta có thể xác định quyền tự do tôn giáo của những tôn giáo mà bác bỏ việc tất cả mọi người đều được hưởng quyền như nhau như thế nào? Chúng ta có thể làm cho vấn đề quyền con người thật sự có ý nghĩa như thế nào nếu việc thực hiện một vài quyền của con người đòi hỏi phải vi phạm một số quyền khác? Đây chính là vấn đề của việc thực hiện quyền con người lý tưởng đặt ra, không phải do thiếu quyết tâm chính trị hoặc mâu thuẫn các lợi ích chính trị, mà sự thật là do tính không tương thích của quyền con người; đó là việc thực hiện một quyền của con người có thể đòi hỏi sự vi phạm một quyền khác của con người, hoặc sự bảo vệ quyền con người của một người có thể đòi hỏi sự vi phạm quyền tương tự của một người khác. Nếu một nhóm tôn giáo dựa trên niềm tin tôn giáo của mình nghiêm cấm các tín đồ của nó thay đổi tôn giáo, thì sự tự do tôn giáo của nhóm đó sẽ mâu thuẫn với quyền của bất cứ tín đồ nào mà muốn thay đổi tôn giáo của họ. Nếu chúng ta ủng hộ quyền con người mà bản thân nó đã không tương thích với chính nó, thì chắc chắn rằng chúng ta cũng sẽ bị không rõ ràng.

Vấn đề về sự tương thích đã trở nên trầm trọng hơn bởi những gì được gọi là “sự thổi phồng về các quyền”, đó là sự mở rộng của khái niệm quyền con người đến một số lượng không rõ ràng các căn nguyên. Thậm chí, ngay trong Tuyên ngôn toàn cầu về nhân quyền cũng tồn tại những quyền của con người mà gây tranh cãi, ví dụ như quyền “được trả cho các kỳ nghỉ thường kỳ”. Nếu muốn khái niệm về nhân quyền trở nên hữu ích thì chúng ta phải phân biệt giữa các quyền con người với các như cầu xã hội khác và với các quyền pháp lý của các xã hội cụ thể, và với các mục tiêu xã hội có thể mong đợi khác.

Như vậy có thể thấy được rằng, việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ thực thi quyền con người là một vấn đề nhức nhối đối với toàn nhân loại; tuy nhiên, việc thực thi này còn vấp phải rất nhiều khó khăn, không chỉ từ những yếu tố bên ngoài mà còn xuất phát ngay cả

nội tại quyền con người. Do đó, để việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ quyền con người đạt hiệu quả thì những khó khăn đó chính là những thách thức vô cùng to lớn.

KẾT LUẬN

Công việc định nghĩa quyền con người là một quá trình không có hồi kết. Mỗi học giả với mỗi lập trường quan điểm, mỗi học thuyết với mỗi khía cạnh và phương diện nhìn nhận, cũng như mỗi quốc gia với mỗi lợi ích khác nhau và mỗi phương thức lập pháp khác nhau; đã tái tạo nên một “nhân quyền” rời rạc và nối với nhau bởi những sợi dây liên kết mỏng manh dựa trên những phân tích chung về tính không thỏa đáng của sự chi tách và ưu tiên hơn của các quyền trong nhân quyền. Chính những nhận thức và quan điểm khác nhau này đã làm cho tính phổ biến của từng quyền trong bản thân nhân quyền cũng trở nên không rõ ràng. Ngày nay, vấn đề nhân quyền trở thành một nỗi nhức nhối đối với toàn nhân loại, những mối quan tâm đến việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ được tăng cường. Tuy nhiên, thiết nghĩ, cho dù cộng đồng thế giới có đặt ra vô vàn những công ước về quyền con người đi chăng nữa, mà giữa những thành phần của cộng đồng này không đạt được tiếng nói chung trong vấn đề quan niệm về nhân quyền, hoặc giả chúng không mang tính thực tiễn, hoặc chỉ được đồng tình nhưng không được thông qua; thì việc thực thi, bảo vệ và thúc đẩy bảo vệ quyền con người vẫn còn là một chặng đường dài mà chưa thể biết trước điểm đến.